

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126/2020/DS-PT**

Ngày 08- 9- 2020

V/v tranh chấp “đòi lại tài sản
(quyền sở hữu tài sản) và đòi lại
giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng
Ông Trương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “đòi lại tài sản (quyền sở hữu tài sản) và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Phước Q, sinh năm 1961.

1.2 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960.

Cùng cư trú: Ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Trần Phú T, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp ML, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/01/2018 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Phước Th, sinh năm 1977 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 143, đường CVA ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Diệu T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 169, đường CVA ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Bùi Trần Phú T, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp ML, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 15/10/2018 (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Phước Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho bà Bùi Trần Phú T trình bày:

Ông Q và bà Đ có căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 63,7m², thửa số 255, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp Trung Thạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233/Fd ngày 24/12/2003. Con gái ông bà là Lê Thị Diệu T và con rể là Trần Phước Th chung sống với ông bà. Năm 2010, vợ chồng ông Th trúng số độc đắc, có bỏ tiền ra xây dựng lại căn nhà của ông bà. Năm 2017, vợ chồng ông Th ly hôn nhưng tài sản chung là giá trị căn nhà không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn ông Th tiếp tục ở trong nhà, ông bà đã nhiều lần yêu cầu trả lại nhà và ông bà hoàn lại phần tiền của ông Th xuất ra xây nhà nhưng ông Th không đồng ý. Ông Th đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà. Ông bà khởi kiện yêu cầu ông Th trả lại căn nhà gắn liền đất ở, xin rút yêu cầu khởi kiện đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233/Fd ngày 24/12/2003. Ông bà đồng ý hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho ông Th là 250.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q và bà Đ ủy quyền cho bà T đồng ý giá trị căn nhà theo Chứng thư thẩm định giá số 341 BDS/2020/CT.ĐG ngày 18/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á trị giá 781.328.000đ.

Bị đơn là ông Trần Phước Th trình bày:

Năm 2010, ông có trúng số và có ra tiền để xây dựng mới căn nhà ngang 4,1m, dài 14,1m, kết cấu bê tông cốt thép một trệt, một lửng, một lầu có giá trị 1.500.000.000đ (trong đó 850.000.000đ là chi phí xây dựng, 650.000.000đ tài sản vô hình là công sức ông bỏ ra). Ông và bà Lê Thị Diệu T ly hôn năm 2017 nhưng tài sản chung vợ chồng chưa giải quyết. Ông yêu cầu ông Q, bà Đ trả lại 1.500.000.000đ và ông đồng ý trả lại nhà đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th yêu cầu ông Q, bà Đ hoàn lại giá trị căn nhà cho ông là 1.000.000.000đ và rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo số tiền 500.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Diệu T ủy quyền cho bà Bùi Trần Phú T trình bày:

Bà và ông Th là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 2017. Năm 2010 bà và ông Th có ra tiền xây dựng căn nhà cho cha mẹ bà là ông Q, bà Đ. Giá trị căn nhà là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia. Bà yêu cầu chia giá trị căn nhà cho bà và ông Th mỗi người ½ giá trị, phần của bà sẽ tự thỏa

Th với ông Q, bà Đ mà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xin rút yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q, bà Đ về việc đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q, bà Đ về việc đòi lại tài sản

Buộc anh Trần Phước Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Q và bà Đ căn nhà gắn liền với đất ở 63,7m² tại địa chỉ số 143, đường Chu Văn An, ấp Trung Thạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thuộc tờ bản đồ số 42, thửa số 255 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233/Fđ cấp ngày 24/12/2003 gồm các điểm 1, 2, 3, 4 của Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 15/06/2018.

Anh Trần Phước Th được quyền lưu cư với thời hạn 06 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Th, một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Diệu T.

Xác định giá trị của căn nhà tại địa chỉ số 143, đường Chu Văn An, ấp Trung Thạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang với số tiền 683.662.000đ là tài sản chung vợ chồng của ông Th và bà T.

Ông Th và bà T mỗi người được chia ½ giá trị căn nhà là 341.831.000đ.

Ông Q và bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông Th giá trị ½ căn nhà là 341.831.000đ.

Bà T không yêu cầu ông Q và bà Đ trả giá trị ½ căn nhà nên không xem xét giải quyết.

Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: không.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Phước Q, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí 17.092.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q, bà Đ đã nộp là 9.750.000đ theo Biên lai thu số 0016578 ngày 26/02/2018; Ông Q, bà Đ còn phải nộp thêm 7.342.000đ.

Ông Trần Phước Th phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 46.745.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 28.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0006220 ngày 11/10/2019 ông Th còn phải nộp thêm 18.245.000đ.

Bà Lê Thị Diệu T phải chịu án phí 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 8.550.000đ theo Biên lai thu số

0007131 ngày 23/10/2018. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân hoàn lại cho bà T 8.250.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 5 năm 2020 ông Trần Phước Th nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Phước Th; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về xác định căn nhà đang tranh chấp có giá trị 781.328.000đ. Buộc ông Q, bà Đ hoàn lại cho ông Th $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 390.664.000đ; không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Th yêu cầu ông Q, bà Đ phải trả lại cho ông Th 1.500.000.000đ. Chị T không phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; sửa án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông Th không được chấp nhận và ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, các phần khác của bản án được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Phước Th kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Th theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Trần Phước Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[3] Về kháng cáo của ông Th, xét thấy về nguồn gốc phần đất diện tích 63,7m², tờ bản đồ số 42, thửa số 255, mục đích sử dụng đất ODT, tọa lạc tại thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là của ông Q, bà Đ đã được UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233/Fd ngày 24/12/2003. Năm 2010 vợ chồng ông Th và bà T (Con gái và con rể của ông Q và bà Đ) trúng số độc đắc nên bỏ tiền ra xây mới lại căn nhà nhưng hồ sơ cấp

giấy phép xây dựng đều do ông Q đứng tên. Sau khi xây dựng căn nhà vợ chồng ông Th và ông Q, bà Đ chung sống tại căn nhà này đến năm 2017 ông Th và bà T ly hôn nhưng tài sản chung là căn nhà cất trên đất của ông Q, bà Đ chưa được giải quyết. Ông Q, bà Đ có yêu cầu ông Th trả lại nhà đất và ông bà đồng ý hoàn lại cho ông Th, bà T giá trị căn nhà. Ông Th đồng ý trả lại nhà đất với điều kiện ông Q, bà Đ phải trả lại cho ông số tiền 1.500.000.000đ, vì số tiền ông bỏ ra để xây dựng căn nhà là do ông trúng số chứ không phải tài sản chung của ông và bà T, ngoài lời trình bày ra ông Th không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Th trúng xổ số được coi là tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân của ông Th và bà T còn tồn tại là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, án sơ thẩm đã buộc ông Th phải trả lại căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 63,7m² và căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 08/6/2018 thể hiện căn nhà trị giá 683.662.000đ để hoàn trả cho bà T, ông Th mỗi người ½ giá trị là 341.831.000đ nên ông Q, bà Đ phải hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho ông Th với số tiền 341.831.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm, ông Th yêu cầu định giá lại căn nhà theo Chứng thư thẩm định giá số 341 BDS/2020/CT.ĐG ngày 18/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á thể hiện căn nhà trị giá 781.328.000đ được chia cho ông Th và bà T mỗi người ½ giá trị là 390.664.000đ. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th, buộc ông Q và bà Đ phải hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho ông Th với số tiền 390.664.000đ. Bà T rút yêu cầu độc lập không yêu cầu ông Q, bà Đ có nghĩa vụ giao số tiền 390.664.000đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà T.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th với số tiền 341.831.000đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th với số tiền 1.158.169.000đ nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không nêu là có thiếu sót, đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm khắc rút kinh nghiệm. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Th yêu cầu ông Q và bà Đ phải hoàn trả giá trị căn nhà với số tiền 1.000.000.000đ nhưng được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 390.664.000đ, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Th với số tiền 609.336.000đ. Ông Th xin rút một phần yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo với số tiền 500.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần đình chỉ một phần yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của ông Th.

[5] Hiện nay ông Th đang sinh sống tại căn nhà trên và ngoài chỗ ở này ra ông Th không còn chỗ ở nào khác. Để ông Th có thời gian kiếm chỗ ở mới, cần tạo điều kiện cho ông Th được quyền lưu cư 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

[6] Về chi phí tố tụng: Án sơ thẩm nhận định ông Q nộp 2.851.400đ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ, tuy nhiên phần quyết định ghi về chi phí

đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ không có là chưa chính xác nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Như vậy, ông Q tự nguyện nộp 2.851.400đ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Tại cấp phúc thẩm, ông Th tạm nộp 2.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ. Ông Th tự nguyện nộp 2.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

[7] Về án phí:

Ông Q và bà Đ phải nộp 19.533.000đ (Về yêu cầu phản tố của ông Th được chấp nhận) án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà Đ là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí cho bà Đ. Ông Q phải nộp 9.767.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 9.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016578 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên ông Q còn phải nộp thêm 17.000đ.

Yêu cầu kháng cáo của ông Th được chấp nhận một phần nên ông Th không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm không buộc ông Th phải nộp 300.000đ về đòi tài sản là có thiếu sót nên cần buộc ông Th phải nộp 300.000đ và 45.280.000đ (Về yêu cầu không được chấp nhận) án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 28.800.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0006220 ngày 11/10/2019 và số 0006673 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên ông Th còn phải nộp thêm 16.780.000đ.

Cấp sơ thẩm buộc bà T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác mà bà T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại 8.550.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007131 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 166, Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Trần Phước Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 63,7m², tờ bản đồ số 42, thửa số 255, mục đích sử dụng đất ODT, tọa lạc tại số 143, đường Chu Văn An, ấp Trung Thạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 15/06/2018 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4. Đất đã được UBND huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233/Fd ngày 24/12/2003 cho ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ.

4. Ông Trần Phước Th được quyền lưu cư 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ về việc đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Xác định giá trị căn nhà tọa lạc tại số 143, đường Chu Văn An, ấp Trung Thạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang trị giá 781.328.000đ là tài sản chung của ông Trần Phước Th và bà Lê Thị Diệu T.

7. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Phước Th. Buộc ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho ông Trần Phước Th với số tiền 390.664.000đ (Ba trăm chín mươi triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

8. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Phước Th yêu cầu ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ phải trả giá trị căn nhà với số tiền 609.336.000đ.

9. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước Th yêu cầu ông Lê Phước Q và bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 500.000.000đ.

10. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Diệu T.

11. Về chi phí tố tụng:

11.1 Ông Lê Phước Q tự nguyện nộp 2.851.400đ chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

11.2 Ông Trần Phước Th tự nguyện nộp 2.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

12. Về án phí:

12.1 Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Phước Q phải nộp 9.767.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 9.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016578 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên ông Q còn phải nộp thêm 17.000đ (Mười bảy nghìn đồng).

12.2 Ông Trần Phước Th phải nộp 45.580.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 28.800.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0006220 ngày

11/10/2019 và số 0006673 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên ông Th còn phải nộp thêm 16.780.000đ (Mười sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

12.3 Bà Lê Thị Diệu T được nhận lại 8.550.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007131 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- TAND H. Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà